

DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU “ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN” GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

NGUYỄN THÀNH THI*

1. Phát triển năng lực cho người học – trọng tâm của đổi mới giáo dục

Nghị quyết 29 của Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa XI) đã nêu rõ yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam [1]. Trong đó, việc đổi mới giáo dục phổ thông được xem là khâu đột phá. Nội dung trọng tâm của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông là sự phát triển năng lực của người học, từ đó nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển đất nước. Mọi phương diện, mọi bước đi của công cuộc đổi mới, đặc biệt là việc phát triển chương trình (CT) và biên soạn sách giáo khoa (SGK), cần phải quán triệt tinh thần này.

Đây cũng chính là vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Năng lực được phát triển từ quá trình dạy học Ngữ văn cần được quan niệm như thế nào? Làm thế nào để giúp học sinh phát triển được những năng lực đó? Bằng cách nào để đo lường, đánh giá mức độ của năng lực mà học sinh đạt được? Người thầy phải đổi mới như thế nào để đáp ứng được xu hướng đổi mới đó? Nhiều câu hỏi đặt ra cần có được những câu trả lời thuyết phục, có khả năng tạo được sự đồng thuận cao. Tạo một diễn đàn để các nhà chuyên môn và thầy cô giáo dạy học Ngữ văn cùng nhau thảo luận nhằm tìm kiếm những câu trả lời như vậy chính là mục tiêu của cuộc hội thảo khoa học này.

2. Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực

Hưởng ứng chủ đề của Hội thảo với các nội dung đã nêu trong Thông báo số một, 118 nhà nghiên cứu, nhà giáo, nhà quản lý giáo dục từ 35 cơ sở nghiên cứu, đào tạo, xuất bản, các sở giáo dục & đào tạo, các trường phổ thông,... đã gửi đăng kí về Ban tổ chức (BTC) 128 tham luận. Chỉ tính đến ngày 17/03/2014, chúng tôi đã nhận được 87 tham luận. Những con số vừa nêu cho thấy mức độ quan tâm đến việc đổi mới căn bản và toàn diện môn học Ngữ văn. Đó là tín hiệu đáng mừng trước hội thảo.

2.1. Phát triển năng lực Ngữ văn cho học sinh – mục tiêu thống nhất, cách tiếp cận đa dạng

Việc phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn, mà cụ thể là phát triển các *năng lực chung* và *năng lực đặc thù* dĩ nhiên không phải/ không thể chỉ thực hiện cục bộ ở một khâu, một bước, một yếu tố nào, mà phải từ tổng thể trong sự tương tác tích cực giữa các khâu, các bước, các yếu tố. Xây dựng CT với hệ thống chuẩn năng lực và ngữ liệu thích hợp; biên soạn SGK, đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá,...; phát triển đồng thời các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe; kĩ năng phân biện, kĩ năng khai thác, cập nhật thông tin, cùng nhiều kĩ năng khác; v.v. Tất cả đều phải đồng bộ, bảo đảm tính hệ thống.

* PGS TS, Trưởng Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm TPHCM, Phó Trưởng ban tổ chức Hội thảo

Báo cáo đề dẫn Hội thảo *Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*

Vì vậy, có một đặc điểm chung rất dễ thấy là khi bàn về việc phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn, hầu hết các bài viết, dù bàn về nội dung, cấu trúc tổng thể hay một khâu, một yếu tố, một nội dung cụ thể nào đó của CT mới, đều rất chú ý xác lập mối quan hệ giữa các yếu tố/bộ phận với tổng thể, định vị chúng trong hệ thống. Vì vậy, việc phân nhóm bài viết theo các tiêu chủ đề chỉ có tính chất tương đối và việc phân chia các tiêu ban để thảo luận trở nên phức tạp đối với BTC.

Để thuận tiện cho việc tiến hành thảo luận, căn cứ vào trọng tâm các bài viết, BTC tạm thời được phân định 87 bài viết theo 4 tiêu chủ đề như sau:

1) Những vấn đề chung liên quan đến nhận thức tổng quát về môn học, chẳng hạn quan điểm, triết lí và lí luận giáo dục nói chung, dạy học Ngữ văn nói riêng; kinh nghiệm giáo dục từ các nước; cơ sở khoa học và thực tiễn của việc đổi mới mục tiêu của môn Ngữ văn trong CT tổng thể ở trường phổ thông,... (Nhóm này gồm 15 tham luận.)

2) Những phác thảo, đề xuất đổi mới CT, SGK Ngữ văn trên cơ sở nhìn lại CT, SGK cũ/ hiện hành. (Nhóm này gồm 30 tham luận)

3) Những trao đổi, đề xuất đổi mới phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Ngữ văn. (Nhóm này gồm 20 tham luận)

4) Những trao đổi, đề xuất về đổi mới đánh giá, cùng một số vấn đề hữu quan như đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; chính sách quản lí; điều kiện, môi trường dạy học;... (Nhóm này gồm 22 tham luận)

Nhìn chung các bản tham luận đã nêu và trao đổi về rất nhiều vấn đề; phân tích, diễn giải, tra vấn đối tượng nghiên cứu từ nhiều góc độ, đồng thời đề xuất các giải pháp, phương án đổi mới có chủ kiến riêng của tác giả. Từ đó, cũng làm nảy sinh nhiều câu hỏi có tính vấn đề để thảo luận tiếp.

2.2. Các vấn đề thảo luận hướng đến sự đổi mới

2.2.1. Về những vấn đề chung

Xung quanh *Những vấn đề chung*, tựu trung có 3 loại câu hỏi: 1) Nếu tên môn học là Ngữ văn (dự kiến) thì trong CT mới, mối quan hệ giữa dạy học ngữ và dạy học văn (ở phổ thông/đại học) cần phải xác định, xử lí thế nào?; 2) Có thể học tập được gì từ truyền thống để xác định tư tưởng chỉ đạo, triết lí giáo dục trong đổi mới giáo dục lần này?; 3) Nên xác định đặc trưng và xây dựng mục tiêu cụ thể của môn Ngữ văn mới như thế nào để tập trung phát triển năng lực cho người học?

Quan hệ, khả năng và phương thức kết hợp giữa nghiên cứu, đào tạo về ngữ học và nghiên cứu, đào tạo về văn học sẽ như thế nào khi xây dựng CT mới ở đại học và phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực? Đây là vấn đề tưởng như không mới, song khi có nhà nghiên cứu¹ [4] nêu lên, soi xét đầy đủ, nghiêm túc, ta lại thấy vấn đề vừa mang tính học thuật, vừa hết sức thực tiễn, như vẫn còn nguyên tính thời sự của nó. Bởi vì, vấn đề được

¹ Trần Đình Sử. *Về mối quan hệ giữa nghiên cứu văn học và ngữ học trong trường đại học và trường phổ thông*.

Báo cáo đề dẫn Hội thảo *Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*

nêu lên có quan hệ khăng khít với mục tiêu phát triển đồng thời năng lực giao tiếp và năng lực cảm thụ văn học cho người học, gợi ra hướng kiếm tìm những giải pháp thích hợp.

Để xây dựng CT theo hướng phát huy tính chủ thể hay phát triển năng lực của người học, các nhà giáo dục Việt Nam nên tiếp thu những gì trong tư tưởng, triết lí giáo dục mang tính khai minh của truyền thống cả phương Đông lẫn phương Tây, học tập thêm kinh nghiệm gì từ quan điểm, triết lí giáo dục của một số nước có nền giáo dục phát triển² [4]?

Đặc biệt, một số tham luận đã cố gắng tập trung vào việc giải quyết các vấn đề trọng yếu, trực tiếp trả lời các câu hỏi như: Dựa trên cơ sở lí luận và thực tiễn nào để xây dựng CT Ngữ văn mới? Đây là đặc trưng của môn Ngữ văn? Những mục tiêu cụ thể của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam là gì?

Thiết nghĩ, cách trả lời các câu hỏi trên trong tham luận của một số tác giả, dù thỏa đáng hoặc chưa, vẫn đáng xem là những gợi ý quan trọng để có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về các vấn đề trọng yếu nêu trên.

2.2.2. Về những vấn đề cụ thể

1) *Trước hết là vấn đề CT và SGK.* Xung quanh vấn đề này, từ một cái nhìn cận cảnh, một số nhà nghiên cứu – bằng những tích lũy, trải nghiệm quý báu, những thông tin cập nhật từ nhiều nguồn, sự đầu tư nghiên cứu nghiêm túc, có bề dày của bản thân – đã cố gắng đưa ra các phác thảo về CT mang tính tổng thể³ [4]. Các phác thảo tổng thể này, rất đáng được xem xét cả trong cấu trúc hệ thống lẫn trong từng yếu tố/ đường nét cơ bản của nó. Song, những điểm được xem là đổi mới trong các bức phác thảo ấy, liệu đã là mới “căn bản, toàn diện” chưa? Có khả dụng và khả thi không? Hội thảo cần thảo luận kĩ lưỡng.

Việc xác lập hệ thống chuẩn cần đạt⁴ [4] (chuẩn chuẩn kiến thức – kĩ năng môn học) của CT Ngữ văn mới nên tiến hành theo các mô thức nào? Chuẩn năng lực trong CT của một số nền giáo dục phát triển như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc, Singapore,... qua giới thiệu của một số tham luận⁵ [4], có phù hợp với Việt Nam không? Nên học tập từ đó những gì, theo cách nào?

Liên quan trực tiếp đến việc xây dựng “chuẩn năng lực” là yêu cầu “lượng hóa” năng lực. Nói cách khác, đây là yêu cầu xác định “độ phức tạp”⁶ [4] của *kiến thức – kĩ năng* qua “độ phức tạp của văn bản đọc”. Thiết lập một hệ thống bài học có “độ phức tạp” tăng dần từ lớp 1 đến lớp 12 thật sự là một nan đề, nhất là đối với những người chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc này. Góp phần giải quyết nan đề ấy – phân xuất “độ phức tạp” của tổ hợp “*kiến thức – kĩ năng*” – một số tham luận trong hội thảo này đã đề xuất giải pháp hay nêu lên một số kinh nghiệm cụ thể. Dĩ nhiên, kinh nghiệm là đáng tham khảo, nỗ lực là đáng ghi nhận, hoan nghênh. Song, trong các giải pháp hay kinh nghiệm đó, còn có điểm

² Phạm Thị Phương, Đoàn Thị Thu Vân, Đinh Phan Cẩm Vân, Nguyễn Ái Học, Trương Thanh Tòng, Hoàng Thị Tuyết,...

³ Bùi Mạnh Hùng, Đỗ Ngọc Thống,...

⁴ Bùi Mạnh Hùng, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thị Hạnh,...

⁵ Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Hồng Nam - Võ Huy Bình,...

⁶ Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Hồng Nam - Võ Huy Bình,...

Báo cáo đề dẫn Hội thảo *Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*

nào là mơ hồ, không đặc dụng? Cần phải đề xuất thêm các nguyên tắc chung hay các sáng kiến cụ thể nào nữa?

Những đề xuất về phương thức phát triển năng lực giao tiếp trên cơ sở phát triển tổng hợp kiến thức với các kỹ năng *đọc, viết, nói, nghe* theo nguyên tắc dạy học tích hợp⁷ [4] hay việc tăng cường loại văn bản thông tin trong hệ thống văn bản đọc hiểu của CT Ngữ văn phổ thông Việt Nam theo cách làm của một số nước có nền giáo dục phát triển⁸ [4] có khả thi, hữu ích không? Việc tăng cường trang bị “kiến thức nền” cho đọc hiểu nên dừng lại mức độ nào và, cần kết hợp ra sao với việc hình thành, phát triển ở HS “chiến lược đọc”⁹ [4] trong dạy học Ngữ văn?

Và, còn rất nhiều câu hỏi khác, chẳng hạn: Bằng cách nào để kết hợp hài hòa và đáp ứng tốt giữa yêu cầu phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù của môn ngữ văn, giữa phát triển năng lực giao tiếp với năng lực cảm thụ văn học?; Đối với một môn học vừa là công cụ để phát triển năng lực chung, vừa là công cụ để phát triển các năng lực đặc thù như Ngữ văn, cần thực hiện dạy học phân hóa như thế nào để vẫn bảo đảm được tinh thần tích hợp?; Thế nào là một hệ thống văn bản tối ưu và bằng cách nào để có được một hệ thống văn bản tối ưu?; Thế nào là một bộ SGK có chất lượng tốt?; Nên soạn SGK theo các mô hình nào¹⁰ [4]?; Quan niệm như thế nào về hình thức của SGK và vai trò, tác dụng của hình thức sách đối với việc phát triển hứng thú học tập và năng lực của HS?; v.v.

Văn học nước ngoài, văn học dân gian, văn học trung đại Việt Nam,... với cả một kho tàng đồ sộ, lâu nay được trích tuyển và dạy học trong CT có những thành tựu và bất cập¹¹. Sắp tới, khi triệt để thực hiện dạy học tích hợp, sẽ xử lí sao cho việc tuyển chọn văn bản và dạy học hiệu quả.

CT bậc tiểu học, mặc dù vẫn nằm trong CT tổng thể của hệ thống giáo dục phổ thông ở nước ta, nhưng rõ ràng, đây là bậc học mở đầu, việc dạy đọc, viết, nói, nghe và dạy học tiếng Việt kết hợp với dạy học văn học,... cũng cần có nội dung, phương pháp dạy học đặc thù.

Đó đều là những vấn đề cần và đáng được chúng ta xem xét thảo luận nhiều trong hội thảo này.

2) Gắn bó mật thiết với việc đổi mới CT và SGK là *đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá*.

Môn Ngữ văn hướng đến thực hiện nhiều mục tiêu (mục tiêu chung và mục tiêu đặc thù) và nhiệm vụ (nhiệm vụ phát triển năng lực giao tiếp và năng lực cảm thụ văn học cho người học). Tuy nhiên, con đường để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên thì chỉ có một:

⁷ Nguyễn Thành Thi, Dương Thị Hồng Hiếu, Lê Ngọc Anh, Trần Viết Thiện,...

⁸ Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phạm Thị Thu Hiền,...

⁹ Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Đình Sử,...

¹⁰ Nguyễn Thị Ly Kha, Dư Ngọc Ngân - Jeong Mu Young, Trần Thanh Bình, Lê Ngọc Anh,...

¹¹ Lê Huy Bắc, Nguyễn Diệu Linh, Trần Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Văn Hạnh, Lê Thời Tân, Nguyễn Văn Vương, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thành Trung,... (văn học nước ngoài); Phạm Tuấn Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Bùi Trần Quỳnh Ngọc, Nguyễn Việt Hùng, Bùi Thanh Truyền,... (văn học Việt Nam).

Báo cáo đề dẫn Hội thảo *Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*

tất cả đều phải bắt đầu từ ngữ liệu, trên cơ sở đọc hiểu ngữ liệu (văn bản). Vì thế, cùng với việc xây dựng hệ thống văn bản ngữ liệu, nhà sư phạm phải tổ chức tốt hoạt động đọc văn, từ đó tiến hành các hoạt động giao tiếp viết, nói, nghe. Muốn phát triển kỹ năng đọc, phải trang bị kiến thức nền và hình thành ở học sinh các chiến lược đọc. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu cũng phải được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, ứng dụng một số hình thức dạy học hiện đại như tổ chức giao tiếp trên lớp theo cặp/nhóm, dạy học dự án, v.v. Đó là những vấn đề đã được đề cập¹² [4], dù chưa đầy đủ, cụ thể, chuyên sâu.

Tuy nhiên, ở phương diện này hãy còn không ít vấn đề đang bỏ ngỏ. Chẳng hạn, các phương pháp, kỹ thuật rèn luyện kỹ năng. Cùng với kỹ năng đọc, các kỹ năng viết, nói, nghe cũng phải được phát triển có chủ định, được chú trọng thường xuyên và tiến hành có hiệu quả với phương pháp, kỹ thuật thích hợp. Khi, về phía người học, phải hình thành phương pháp học tập mới (phương pháp học kết hợp: *đọc, viết, nói, nghe*), thì hệ thống phương pháp dạy cũng phải thay đổi. CT mới sẽ không quan tâm nhiều đến phương pháp dạy học phân môn như trước (phương pháp dạy lí luận văn học, phương pháp dạy văn học sử,...) mà phải quan tâm nhiều hơn đến hệ thống phương pháp *dạy đọc*, phương pháp *dạy viết*, phương pháp *dạy nói*, *dạy nghe*¹³ [4],...

Biết rằng cần có sự tương thích giữa nội dung, chuẩn CT và phương pháp, kỹ thuật dạy học, cũng như phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá¹⁴ [4]. Song, làm thế nào để tạo ra sự tương thích ấy? Đó mới là vấn đề. Nó đòi hỏi chúng ta phải suy ngẫm, bàn thảo nhiều. Ngay cả với quan niệm về đánh giá năng lực cũng như các kỹ thuật đánh giá năng lực, ứng dụng cho môn Ngữ văn cũng vậy¹⁵ [4].

Cũng có một số tham luận bàn riêng về đổi mới đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; về chức năng đặc thù và việc tự đổi mới căn bản toàn diện của các trường sư phạm. Rõ ràng đây là một vấn đề hữu quan, trước sau gì cũng phải bàn kỹ. Tiếc rằng các tham luận đề cập đến nội dung này chưa nhiều¹⁶ [4], chưa xuất phát từ một cái nhìn toàn cục.

3. Đổi mới căn bản, toàn diện dạy học Ngữ văn – triển vọng và thách thức

Có nhiều lí do để tin vào triển vọng đổi mới dạy học Ngữ văn theo mục tiêu phát triển năng lực cho người học: bởi cơ sở lí luận và thực tiễn với các điều kiện chín muồi, bởi CT mới được dự kiến xây dựng trên quan điểm tiếp cận hiện đại, tiếp thu từ kinh nghiệm, tinh hoa của nhiều nền giáo dục phát triển, v.v. Triển vọng là dễ thấy. Nhưng cũng có nhiều thách thức cần được nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc.

¹² Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Ngọc Thúy,...

¹³ Nguyễn Thị Nga, Lê Ngọc Chi, Trương Thủy Hà, Lê Linh Chi, Phan Duy Khôi, Phạm Thị Ngọc Hoa, Phạm Phương Anh, Trần Văn Chung,...

¹⁴ Nguyễn Thị Hồng Vân, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Tiến Thành – Nguyễn Phước Bảo Khôi,...

¹⁵ Cuốn “Các kỹ thuật đánh giá trong lớp học, kinh nghiệm quốc tế và đề xuất áp dụng cho bậc học phổ thông ở Việt Nam” (lưu hành nội bộ) do Dự án phát triển giáo viên THPT & THCN tổ chức biên soạn, ấn hành 1913, nêu ra 50 hình thức kỹ thuật cụ thể, cũng đáng tham khảo. Song, nếu muốn áp dụng vào môn Ngữ văn thì phải cân nhắc, lựa chọn, cải biên thêm rất nhiều.

¹⁶ Bàn riêng về nội dung này có các tham luận của các tác giả: Phạm Thị Thu Hương, Đặng Hoàng Oanh, Hoàng Tiến Chính, Trần Thị Ngọc Diễm, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thanh Thi,...

Báo cáo đề dẫn Hội thảo *Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*

Thách thức đáng nói trước tiên đối với các nhà giáo dục khi xây dựng CT là xây phải dựng *hệ thống chuẩn* đạt chuẩn. Trong việc xây dựng *hệ thống chuẩn*, thách thức lớn nhất là việc lượng hóa kiến thức – kỹ năng, lượng hóa năng lực giao tiếp, cảm thụ văn học. Nghĩa là lượng hóa đúng độ phức tạp của các kỹ năng đọc viết, nói, nghe, kèm theo là độ phức tạp của hệ thống kiến thức, hệ thống ngữ liệu hữu quan. Và phải sắp xếp sao cho độ phức tạp tăng dần từ lớp 1 đến lớp 12 với ba bậc học, 12 nấc thang rạch ròi.

Vấn đề nhận thức, thái độ, năng lực tiếp cận, thực thi CT, phương pháp dạy học mới ở đội ngũ giáo viên cũng là thách thức không nhỏ. Mặt khác, bởi CT phải đổi mới “căn bản, toàn diện”, nên cũng có nhiều thách thức từ các vấn đề hữu quan. Ví dụ, sự đồng bộ giữa các bộ môn, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để ứng dụng phương pháp dạy học, cách đánh giá mới phù hợp với CT, SGK mới,... Làm sao để vượt qua các khó khăn, thách thức vừa nêu là câu hỏi chung mà nhiều bộ phận, nhiều cấp, phải trả lời... Đó dĩ nhiên không phải nhiệm vụ, mục tiêu của hội thảo. Tuy vậy việc nhận thức rõ và sâu về chúng, hiển nhiên là rất có ý nghĩa.

Cuối cùng, trong bối cảnh giáo dục được xã hội dành nhiều sự quan tâm, thông tin và các lời bình có độ nhiều cao, hẳn không thừa khi ta lưu ý về tính đúng mực, khách quan cần có trong thái độ của nhà giáo dục đối với thực tế giáo dục nước nhà trong khi thảo luận. Đó phải là thái độ của người trong cuộc, vốn xa lạ với thái độ đã phá bồng bột, phủ nhận cực đoan: một thái độ công bằng, cởi mở và đầy thiện chí.

Đây là hội thảo nêu những vấn đề tổng quát về dạy học Ngữ văn trong bối cảnh mới. Mong nó có sức gợi mở, nêu vấn đề để sau hội thảo này, có thêm nhiều hội thảo chuyên sâu, làm cơ sở cho những chỉ đạo, triển khai nhằm đổi mới căn bản, toàn diện dạy học Ngữ văn trong những năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành TW8 (khóa XI), *Nghị quyết số 29* về đổi mới giáo dục căn bản, toàn diện.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bùi Mạnh Hùng (2013), “Chuẩn chương trình cốt lõi của Mĩ và một số liên hệ với việc đổi mới chương trình Ngữ văn ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học* (Tạp chí của Trường Đại học Sư phạm TPHCM, số chuyên về Nghiên cứu Giáo dục học), số 4/2013.
4. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2014), *Kỉ yếu Hội thảo khoa học “Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông”*, TP Hồ Chí Minh.